

Số: 11/2013/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

CÔNG THÔNG TIN HIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 586.1
	Ngày: 22.7

**Phê chuẩn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
tại các Bến xe khách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét Tờ trình số 2319/TTr-UBND ngày 01/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tại các bến xe khách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tại các Bến xe khách trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đối tượng nộp

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá tại các bến xe khách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Mức thu

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Bến xe tỉnh	Bến xe huyện
I	Phí xe qua bến			
1	Tuyến có cự ly từ 100 km trở lên	Đồng/ghế/lượt	2.250	1.500
2	Tuyến có cự ly dưới 100 km	Đồng/ghế/lượt	1.500	1.200
3	Các tuyến nội tỉnh; xe buýt; taxi.	Đồng/ghế/lượt	750	750

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Bến xe tỉnh	Bến xe huyện
4	Xe có trọng tải từ 2,5 tấn trở lên	Đồng/lượt	12.000	8.000
5	Xe có trọng tải dưới 2,5 tấn	Đồng/lượt	6.000	4.000
II	Phí xe lưu bến qua đêm			
1	Xe khách có trọng tải từ 25 ghế trở lên	Đồng/xe/đêm	15.000	9.000
2	Xe khách có trọng tải dưới 25 ghế	Đồng/xe/đêm	12.000	7.500
3	Xe có trọng tải từ 2,5 tấn trở lên	Đồng/xe/đêm	16.500	10.500
4	Xe có trọng tải dưới 2,5 tấn	Đồng/xe/đêm	13.500	9.000
III	Phí xe lưu bến qua đêm (vé tháng)			
1	Xe khách có trọng tải từ 25 ghế trở lên	Đồng/xe/tháng	195.000	150.000
2	Xe khách có trọng tải dưới 25 ghế	Đồng/xe/tháng	150.000	105.000
3	Xe có trọng tải từ 2,5 tấn trở lên	Đồng/xe/tháng	225.000	150.000
4	Xe có trọng tải dưới 2,5 tấn	Đồng/xe/tháng	180.000	112.500

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

- Đối với đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thu phí được trích để lại 10% dùng cho hoạt động thu phí, phần còn lại 90% nộp ngân sách nhà nước. Việc kê khai, thu nộp, quản lý sử dụng tiền phí đơn vị thực hiện theo đúng quy định.

- Riêng đối với các đơn vị, tổ chức thu phí thực hiện theo cơ chế của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ (đơn vị sự nghiệp công lập), giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể tỷ lệ % để lại nhằm thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và tài chính.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22/7/2013; bãi bỏ Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 15/3/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII - kỳ họp thứ 12 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu và quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bến xe khách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2013./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TP, GT-VT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở: TP, TC, GTVT;
- Cục thuế, Cục thống kê;
- TT. HĐND huyện, thành phố;
- BLĐ Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, Phòng công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Dương Hoàng Nghĩa